

HƯỚNG DẪN LIÊN SỞ

Về quy trình thực hiện hỗ trợ, hồ sơ đề nghị hỗ trợ một số chính sách tại Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019 - 2020

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 24/10/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức sản xuất tiên tiến, bền vững giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của UBND tỉnh về một số nội dung hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019 - 2020 quy định tại Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh;

Liên Sở Tài chính - Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn quy trình thực hiện hỗ trợ, hồ sơ đề nghị hỗ trợ một số chính sách tại Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 39), cụ thể như sau:

I. Hỗ trợ xây dựng, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao.

I.1. Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng trong vùng sản xuất.

1. Quy trình thực hiện hỗ trợ:

Nhà đầu tư gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ (gồm các nội dung từ điểm a đến điểm d Khoản 2 Tiêu mục I.1 Mục I Hướng dẫn này) về đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí.

Đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, UBND cấp huyện, xã nơi có dự án và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra điều kiện dự án đề nghị hỗ trợ, kiểm tra nghiệm thu dự án hoàn thành đề nghị hỗ trợ; gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ (gồm các nội dung từ điểm a đến điểm e Khoản 2 Tiêu mục I.1 Mục I

Hướng dẫn này) về Sở Nông nghiệp và PTNT.

Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ của nhà đầu tư và các biên bản kiểm tra của đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, tổ chức thẩm định, xác định mức hỗ trợ, trình UBND tỉnh quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu số 01 kèm theo Hướng dẫn này) kèm theo Hồ sơ dự án, thiết kế, dự toán chi tiết và các tài liệu khác có liên quan theo quy định.

b) Hồ sơ giao đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất; giấy phép xây dựng (trừ những trường hợp được miễn cấp giấy phép xây dựng theo quy định);

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với hợp tác xã);

d) Biên bản nghiệm thu dự án hoàn thành, hồ sơ quyết toán và bản vẽ hoàn công dự án đề nghị hỗ trợ của nhà đầu tư;

đ) Biên bản kiểm tra điều kiện dự án đề nghị hỗ trợ của cơ quan, đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, trong đó có thành viên đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện, xã nơi có dự án và các đơn vị có liên quan.

e) Biên bản kiểm tra dự án hoàn thành nghiệm thu đề nghị hỗ trợ của cơ quan, đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, trong đó có thành viên đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện, xã nơi có dự án và các đơn vị có liên quan.

1.2. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong vùng

1. Đối với dự án hỗ trợ một lần sau đầu tư khi khối lượng công việc hoàn thành:

1.1. Quy trình thực hiện hỗ trợ:

Cá nhân, tổ chức gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ (gồm các nội dung từ tiết a đến tiết đ điểm 1.2 khoản 1 Tiểu mục 1.2 Mục I Hướng dẫn này) về đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí.

Đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND cấp huyện, xã nơi có dự án và các đơn vị có liên quan kiểm tra điều kiện dự án đề nghị hỗ trợ, nghiệm thu dự án hoàn thành đề nghị hỗ trợ; gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ (gồm các nội dung từ tiết a đến tiết g điểm 1.2 Khoản 1 Tiểu mục 1.2 Mục I Hướng dẫn này) về Sở Nông nghiệp và PTNT.

Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ của nhà đầu tư và các biên bản kiểm tra của đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, tổ chức thẩm định, xác định mức hỗ trợ, trình UBND tỉnh quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án.

1.2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu số 02 kèm theo Hướng dẫn này): kèm theo hồ sơ dự án, thuyết minh, thiết kế (nếu có), dự toán chi tiết, và các tài liệu khác có liên quan theo quy định.

b) Hồ sơ giao đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối

với trường hợp không được cấp đất;

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với hợp tác xã). Giấy chứng minh là tổ hợp tác (đối với tổ hợp tác).

d) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dự án của tổ chức, cá nhân thực hiện dự án; biên bản nghiệm thu công trình xây dựng hoàn thành, hồ sơ quyết toán và bản vẽ hoàn công công trình đề nghị hỗ trợ (xây dựng nhà lưới, tưới tiết kiệm, cải tạo mặt bằng... ,nếu có).

đ) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các dự án sản xuất trồng trọt đảm bảo an toàn thực phẩm tại Khoản 1, Tiểu mục 1.2, mục I Phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39; Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh đối với các dự án chăn nuôi an toàn dịch bệnh tại khoản 3, Tiểu mục 1.2, mục I, Phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39.

e) Biên bản kiểm tra điều kiện mô hình, dự án đề nghị hỗ trợ của đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, trong đó có thành viên đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND cấp huyện, xã nơi có dự án và các đơn vị có liên quan.

g) Biên bản kiểm tra dự án hoàn thành nghiệm thu đề nghị hỗ trợ của đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, trong đó có thành viên đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND cấp huyện, xã nơi có dự án và các đơn vị có liên quan.

2. Đối với dự án hỗ trợ theo tiến độ thực hiện

2.1. Quy trình thực hiện hỗ trợ:

a) Đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, xã và các đơn vị có liên quan tổ chức khảo sát, lựa chọn địa điểm triển khai dự án, xác định quy mô, nội dung, đối tượng được hỗ trợ; mức hỗ trợ;

Lập Kế hoạch thực hiện, Thuyết minh dự án (trong đó nêu rõ quy mô, các định mức kinh tế kỹ thuật về giống, vật tư,... áp dụng trong dự án), gửi Sở Nông nghiệp và PTNT hiệp ý (đối với các sở, ngành, đơn vị trong tỉnh) hoặc Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt (đối với các đơn vị trực thuộc Sở);

Lập dự toán kinh phí, kèm theo Hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại điểm 2.2 khoản 2 Tiểu mục 1.2 Mục I Hướng dẫn này, gửi Sở Tài chính thẩm tra, thông báo kinh phí cho đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí.

Tổ chức hướng dẫn đối tượng được hỗ trợ triển khai thực hiện dự án; Theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện và chuyển kinh phí hỗ trợ theo quy định; Kiểm tra, nghiệm thu dự án hoàn thành làm căn cứ quyết toán kinh phí hỗ trợ.

b) Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ: Gửi đơn đề nghị tham gia dự án cho đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí kèm theo Cam kết thực hiện dự án đúng mục đích, nội dung, tiến độ, bố trí vốn đối ứng để thực hiện các hạng mục trong dự án được duyệt (ngoài phần hỗ trợ của ngân sách nhà nước); hoàn trả toàn bộ phần kinh phí ngân sách nhà nước đã hỗ trợ nếu không thực hiện dự án đúng mục đích, nội dung và tiến độ.

2.2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị tham gia dự án (theo Mẫu số 02 kèm theo Hướng dẫn

này); kèm theo cam kết thực hiện dự án đúng mục đích, nội dung, tiến độ, bố trí vốn đối ứng để thực hiện các hạng mục trong dự án được duyệt.

b) Biên bản kiểm tra điều kiện triển khai thực hiện dự án của cơ quan, đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, trong đó có thành viên đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND cấp huyện, xã và các đơn vị có liên quan.

c) Các hồ sơ liên quan đến công tác lựa chọn, xác định địa điểm, mức hỗ trợ; Kế hoạch thực hiện và Thuyết minh dự án đã được Sở Nông nghiệp và PTNT hiệp ý hoặc phê duyệt; Dự toán kinh phí thực hiện dự án.

3. Riêng đối với các Dự án có kinh phí thực hiện bao gồm cả kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư (xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật để ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm, nhà màng, nhà lưới; kinh phí cải tạo mặt bằng,...): Quy trình hỗ trợ và hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với phần kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư thực hiện như quy trình hỗ trợ và hồ sơ đề nghị hỗ trợ của chính sách Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng trong vùng sản xuất quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Tiểu mục I.1 Mục I Hướng dẫn này.

II. Hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ, theo hướng hữu cơ.

II.1. Hỗ trợ sản xuất vật tư đầu vào hữu cơ:

1. Quy trình thực hiện hỗ trợ:

Nhà đầu tư gửi Hồ sơ đề nghị hỗ trợ (gồm các nội dung từ điểm a đến điểm d Khoản 2 Tiểu mục II.1 Mục II Hướng dẫn này) về đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí.

Đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, UBND cấp huyện, xã nơi có dự án và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra điều kiện dự án đề nghị hỗ trợ, kiểm tra nghiệm thu dự án hoàn thành đề nghị hỗ trợ; gửi Hồ sơ đề nghị hỗ trợ (gồm các nội dung từ điểm a đến điểm e Khoản 2 Tiểu mục II.1 Mục II Hướng dẫn này) về Sở Nông nghiệp và PTNT.

Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ của nhà đầu tư và các biên bản kiểm tra của đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, tổ chức thẩm định, xác định mức hỗ trợ, trình UBND tỉnh quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu số 01 kèm theo Hướng dẫn này); kèm theo hồ sơ dự án, thiết kế, dự toán chi tiết, và các tài liệu khác có liên quan theo quy định.

b) Hồ sơ giao đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất; giấy phép xây dựng (trừ những trường hợp được miễn cấp giấy phép xây dựng theo quy định);

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

d) Biên bản nghiệm thu dự án hoàn thành, hồ sơ quyết toán và bản vẽ hoàn công dự án đề nghị hỗ trợ của nhà đầu tư.

đ) Biên bản kiểm tra điều kiện dự án đề nghị hỗ trợ của đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, trong đó có thành viên đại diện Sở Nông nghiệp và

PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, UBND cấp huyện, xã nơi có dự án và các đơn vị có liên quan.

e) Biên bản kiểm tra dự án hoàn thành nghiệm thu đề nghị hỗ trợ của đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, trong đó có thành viên đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, UBND cấp huyện, xã nơi có dự án và các đơn vị có liên quan.

II.2. Hỗ trợ cải tạo nâng cao chất lượng đất sản xuất nông nghiệp

Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị có liên quan, xây dựng phương án/dự án, dự toán kinh phí trình UBND tỉnh phê duyệt, gửi Sở Tài chính thẩm tra, thông báo kinh phí; Tổ chức triển khai thực hiện theo quy định về hỗ trợ cải tạo nâng cao chất lượng đất sản xuất nông nghiệp. (Tiểu mục 2, Mục II, phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39).

II.3. Xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ

Trình tự, thủ tục hỗ trợ: Theo quy định tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ.

II.4. Chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ

Trình tự, thủ tục hỗ trợ: Theo quy định tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ.

II.5. Các chính sách: Sản xuất lúa hữu cơ, theo hướng hữu cơ; Hỗ trợ sản xuất rau hữu cơ, theo hướng hữu cơ; Hỗ trợ chăn nuôi hữu cơ

1. Quy trình thực hiện hỗ trợ và Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Như đối với dự án hỗ trợ theo tiến độ thực hiện của chính sách Hỗ trợ phát triển sản xuất trong vùng tại điểm 2.1 và điểm 2.2 Khoản 2 Tiểu mục I.2 Mục I Hướng dẫn này.

2. Riêng đối với các Dự án có kinh phí thực hiện bao gồm cả kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư (xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật để ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm, nhà màng, nhà lưới; kinh phí cải tạo mặt bằng,...): Quy trình hỗ trợ và hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với phần kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư thực hiện như sau:

2.1. Quy trình thực hiện hỗ trợ:

Cá nhân, tổ chức gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ (gồm các nội dung từ điểm a đến điểm d Khoản 2.2 Tiểu mục II.5 Mục II Hướng dẫn này) về đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí.

Đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, UBND cấp huyện, xã nơi có dự án và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra điều kiện dự án đề nghị hỗ trợ, kiểm tra nghiệm thu dự án hoàn thành đề nghị hỗ trợ; gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ (gồm các nội dung từ điểm a đến điểm e Khoản 2.2 Tiểu mục II.5 Mục II Hướng dẫn này) về Sở Nông nghiệp và PTNT.

Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ của nhà đầu tư và các biên bản kiểm tra của đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, tổ chức thẩm định, xác định mức hỗ trợ, thông báo cho nhà đầu tư, đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí và Sở Tài chính để thẩm tra, thông báo kinh phí.

2.2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu số 02 kèm theo Hướng dẫn này) kèm theo Hồ sơ dự án, thiết kế, dự toán chi tiết, và các tài liệu khác có liên quan theo quy định.

b) Hồ sơ giao đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất; giấy phép xây dựng (trừ những trường hợp được miễn cấp giấy phép xây dựng theo quy định);

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với hợp tác xã);

d) Biên bản nghiệm thu dự án hoàn thành, hồ sơ quyết toán và bản vẽ hoàn công dự án đề nghị hỗ trợ của nhà đầu tư.

đ) Biên bản kiểm tra điều kiện dự án đề nghị hỗ trợ của cơ quan, đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, trong đó có thành viên đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện, xã nơi có dự án và các đơn vị có liên quan.

e) Biên bản kiểm tra dự án hoàn thành nghiệm thu đề nghị hỗ trợ của cơ quan, đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, trong đó có thành viên đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, UBND cấp huyện, xã nơi có dự án và các đơn vị có liên quan.

III. Hỗ trợ phát triển kinh tế gia trại, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao.

1. Đối với dự án, mô hình hỗ trợ một lần sau đầu tư khi khối lượng công việc hoàn thành:

1.1. Quy trình thực hiện hỗ trợ:

Cá nhân, tổ chức gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ (gồm các nội dung từ tiết a đến tiết d điểm 1.2 Khoản 1 Mục III Hướng dẫn này) về đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí.

Đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND cấp huyện, xã nơi có dự án và các đơn vị có liên quan kiểm tra điều kiện dự án đề nghị hỗ trợ, nghiệm thu dự án hoàn thành đề nghị hỗ trợ; gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ (gồm các nội dung từ tiết a đến tiết d điểm 1.2 Khoản 1 Mục III Hướng dẫn này) về Sở Nông nghiệp và PTNT.

Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ của nhà đầu tư và các biên bản kiểm tra của đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, tổ chức thẩm định, xác định mức hỗ trợ, thông báo cho nhà đầu tư, đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí và Sở Tài chính để thẩm tra, thông báo kinh phí.

1.2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu số 02 kèm theo Hướng dẫn này); kèm theo hồ sơ dự án, thuyết minh, thiết kế (nếu có), dự toán chi tiết, và các tài liệu khác có liên quan theo quy định.

b) Hồ sơ giao đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất;

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với hợp tác xã). Giấy chứng minh là tổ

hợp tác (đối với tổ hợp tác).

d) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dự án của tổ chức, cá nhân thực hiện dự án; biên bản nghiệm thu công trình xây dựng hoàn thành, hồ sơ quyết toán và bản vẽ hoàn công công trình đề nghị hỗ trợ (xây dựng nhà lưới, tưới tiết kiệm, cải tạo mặt bằng... ,nếu có).

đ) Biên bản kiểm tra điều kiện mô hình, dự án đề nghị hỗ trợ của đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, trong đó có thành viên đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND cấp huyện, xã nơi có dự án và các đơn vị có liên quan.

e) Biên bản kiểm tra dự án hoàn thành nghiệm thu đề nghị hỗ trợ của đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, trong đó có thành viên đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND cấp huyện, xã nơi có dự án và các đơn vị có liên quan.”

2. Đối với dự án, mô hình hỗ trợ theo tiến độ thực hiện:

Quy trình thực hiện hỗ trợ và Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Như đối với dự án hỗ trợ theo tiến độ thực hiện của chính sách Hỗ trợ phát triển sản xuất trong vùng tại điểm 2.1 và điểm 2.2 Khoản 2 Tiểu mục I.2 Mục I Hướng dẫn này.

3. Riêng đối với các Dự án có kinh phí thực hiện bao gồm cả kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư (xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật để ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm, nhà màng, nhà lưới; kinh phí cải tạo mặt bằng,...); Quy trình hỗ trợ và hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với phần kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư thực hiện như quy trình hỗ trợ và hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các chính sách: Sản xuất lúa hữu cơ, theo hướng hữu cơ; Hỗ trợ sản xuất rau hữu cơ, theo hướng hữu cơ; Hỗ trợ chăn nuôi hữu cơ quy định tại điểm 2.1 và điểm 2.2 Khoản 2 Tiểu mục II.5 Mục II Hướng dẫn này.

IV. Hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

IV.1. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết.

1. Quy trình thực hiện hỗ trợ:

Đơn vị chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ (gồm các nội dung từ điểm a đến điểm e tại Khoản 2 Tiểu mục IV.1 Mục IV Hướng dẫn này) cho đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí.

Đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện, xã nơi có dự án và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra nghiệm thu dự án hoàn thành đề nghị hỗ trợ; gửi hồ sơ (gồm các nội dung từ điểm a đến điểm g tại Khoản 2 Tiểu mục IV.1 Mục IV Hướng dẫn này) về Sở Nông nghiệp và PTNT.

Sau khi nhận đủ hồ sơ (theo quy định tại Khoản 2 Tiểu mục 1 Mục IV Hướng dẫn này) từ chủ trì liên kết và đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì tổ chức thẩm định hồ sơ. Hội đồng thẩm định gồm lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT là Chủ tịch Hội đồng, các thành viên là đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở ngành liên quan và lãnh đạo UBND huyện, thành phố có liên quan.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Hội đồng tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Sở Nông nghiệp và PTNT có tờ trình

trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Sở Nông nghiệp và PTNT phải thông báo và nêu rõ lý do cho đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí và chủ trì liên kết được biết.

Sau khi UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết, đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm tra, thông báo kinh phí và tổ chức hỗ trợ qua đơn vị chủ trì liên kết.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP).

b) Dự án liên kết (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP); hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP).

c) Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau.

d) Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP).

đ) Bản sao chụp hợp đồng liên kết.

e) Biên bản nghiệm thu dự án hoàn thành, hồ sơ quyết toán và bản vẽ hoàn công dự án đề nghị hỗ trợ của nhà đầu tư.

g) Biên bản kiểm tra dự án hoàn thành nghiệm thu đề nghị hỗ trợ của cơ quan, đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, trong đó có thành viên đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, UBND cấp huyện, xã nơi có dự án và các đơn vị có liên quan.

IV.2. Các chính sách: Hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất; Hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết; Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật, quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

1. Đối với dự án, mô hình hỗ trợ một lần sau đầu tư:

Quy trình thực hiện hỗ trợ và Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Như đối với chính sách Hỗ trợ hạ tầng liên kết tại Tiêu mục 1 mục IV Hướng dẫn này.

2. Đối với dự án, mô hình hỗ trợ theo tiến độ thực hiện:

2.1. Quy trình thực hiện hỗ trợ:

a) Đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, xã và các đơn vị có liên quan tổ chức khảo sát, lựa chọn địa điểm triển khai dự án, mô hình xác định quy mô, nội dung, đối tượng được hỗ trợ; mức hỗ trợ;

Lập Kế hoạch thực hiện, Thuyết minh dự án, mô hình (trong đó nêu rõ quy mô, các định mức kinh tế kỹ thuật về giống, vật tư.... áp dụng trong dự án), gửi Sở Nông nghiệp và PTNT hiệp ý (đối với các sở, ngành, đơn vị trong tỉnh) hoặc Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt (đối với các đơn vị trực thuộc Sở);

Lập dự toán kinh phí, kèm theo Hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại điểm 2.2 khoản 2.

Tiểu mục IV.2 Mục IV Hướng dẫn này, gửi Sở Tài chính thẩm tra, thông báo kinh phí cho đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí.

Tổ chức hướng dẫn đối tượng được hỗ trợ triển khai thực hiện dự án, mô hình; Theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện và chuyển kinh phí hỗ trợ theo quy định; Kiểm tra, nghiệm thu dự án, mô hình hoàn thành làm căn cứ quyết toán kinh phí hỗ trợ.

b) Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ: Gửi đơn đề nghị tham gia dự án, mô hình cho đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí kèm theo Cam kết thực hiện dự án đúng mục đích, nội dung, tiến độ, bố trí vốn đối ứng để thực hiện các hạng mục trong dự án, mô hình được duyệt (ngoài phần hỗ trợ của ngân sách nhà nước); hoàn trả toàn bộ phần kinh phí ngân sách nhà nước đã hỗ trợ nếu không thực hiện dự án, mô hình đúng mục đích, nội dung và tiến độ.

2.2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị tham gia dự án, mô hình (theo Mẫu số 02 kèm theo Hướng dẫn này); kèm theo cam kết thực hiện dự án đúng mục đích, nội dung, tiến độ, bố trí vốn đối ứng để thực hiện các hạng mục trong dự án, mô hình được duyệt.

b) Biên bản kiểm tra điều kiện triển khai thực hiện dự án, mô hình của cơ quan, đơn vị được giao quản lý sử dụng kinh phí, trong đó có thành viên đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND cấp huyện, xã và các đơn vị có liên quan.

c) Các hồ sơ liên quan đến công tác lựa chọn, xác định địa điểm, mức hỗ trợ; Kế hoạch thực hiện và Thuyết minh dự án, mô hình đã được Sở Nông nghiệp và PTNT hiệp ý hoặc phê duyệt; Dự toán kinh phí thực hiện dự án, mô hình.

V. Các hỗ trợ khác quy định tại Tiểu mục 1, 2, 3 Mục VI Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39.

1. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đảm bảo an toàn thực phẩm; Hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản.

1.1. Đối với dự án, mô hình hỗ trợ một lần sau đầu tư:

Quy trình thực hiện hỗ trợ và Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Như đối với dự án hỗ trợ một lần sau đầu tư của chính sách Hỗ trợ phát triển sản xuất trong vùng tại điểm 1.1 và điểm 1.2 Khoản 1 Tiểu mục I.2 Mục I Hướng dẫn này.

1.2. Đối với dự án, mô hình hỗ trợ theo tiến độ thực hiện:

Quy trình thực hiện hỗ trợ và Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Như đối với dự án hỗ trợ theo tiến độ thực hiện của chính sách Hỗ trợ phát triển sản xuất trong vùng tại điểm 2.1 và điểm 2.2 Khoản 2 Tiểu mục I.2 Mục I Hướng dẫn này.

2. Hỗ trợ bảo quản nông sản.

Quy trình thực hiện hỗ trợ và Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Như đối với dự án hỗ trợ một lần sau đầu tư của chính sách Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng trong vùng sản xuất quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Tiểu mục I.1 Mục I Hướng dẫn này.

VI. Chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn thương mại

1. Quy trình thực hiện hỗ trợ.

Khi có nhu cầu hỗ trợ lãi suất, khách hàng vay vốn lập Giấy đề nghị xác nhận có dự án (theo Mẫu số 03 kèm theo Hướng dẫn này) gửi UBND cấp xã nơi khách hàng có dự án để kiểm tra, xác nhận việc có thực hiện dự án trên địa bàn.

Sau khi được UBND cấp xã xác nhận có thực hiện dự án trên địa bàn, khách hàng vay vốn gửi Hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Tiểu mục 2 Mục VI Hướng dẫn này gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, lập Biên bản xác nhận đối tượng, dự án vay vốn đáp ứng điều kiện, nguyên tắc hỗ trợ của chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn thương mại theo quy định, gửi Sở Tài chính và Tổ chức tín dụng cho vay.

Khi thu lãi tiền vay, Tổ chức tín dụng thu toàn bộ số lãi tiền vay của khách hàng theo hợp đồng tín dụng và lập Giấy xác nhận số tiền lãi vay được hỗ trợ của khách hàng (theo Mẫu số 04 kèm theo Hướng dẫn này). Giấy xác nhận được lập thành 03 bản: 01 bản chuyển cho khách hàng, 01 bản gửi Sở Nông nghiệp và PTNT, 01 bản lưu tại Tổ chức tín dụng.

Định kỳ 6 tháng, Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp danh sách, nhu cầu kinh phí hỗ trợ lãi suất, chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, thẩm định trình UBND tỉnh Quyết định hỗ trợ lãi suất.

Trên cơ sở Quyết định hỗ trợ lãi suất của UBND tỉnh và toàn bộ hồ sơ có liên quan do Sở Nông nghiệp và PTNT gửi, Sở Tài chính thực hiện thẩm tra, thông báo kinh phí hỗ trợ lãi suất cho đối tượng thụ hưởng chính sách thông qua Sở Nông nghiệp và PTNT.

Trường hợp qua kiểm tra, phát hiện khách hàng sử dụng vốn sai mục đích hoặc không đảm bảo các điều kiện được hỗ trợ lãi suất theo quy định, Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và TCTD và các đơn vị có liên quan kiểm tra, xác minh lại trước khi chi trả tiền hỗ trợ. Tuyệt đối không được hỗ trợ sai đối tượng, vượt mức hỗ trợ theo quy định của HĐND tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ lãi suất kèm theo Giấy xác nhận có dự án của UBND xã nơi khách hàng có dự án đầu tư (theo Mẫu số 03 kèm theo Hướng dẫn này).

b) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa khách hàng với TCTD;

c) Phương án sử dụng vốn vay của khách hàng đã được TCTD thẩm định và xác nhận.

d) Chứng từ chuyển tiền của ngân hàng cho khách hàng vay vốn; Giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng vốn của khách hàng;

đ) Phiếu thu lãi, bảng kê thu lãi (nếu có).

e) Giấy xác nhận số tiền lãi vay được hỗ trợ của khách hàng (theo Mẫu số 04 kèm theo Hướng dẫn này).

Trên đây là nội dung hướng dẫn của Liên Sở Tài chính - Sở Nông nghiệp và PTNT về quy trình thực hiện hỗ trợ, hồ sơ đề nghị hỗ trợ một số chính sách tại Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh. Trong

quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT để được hướng dẫn cụ thể hoặc xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.

SỞ TÀI CHÍNH
GIÁM ĐỐC



Trần Song Tùng

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
GIÁM ĐỐC



Vũ Nam Tiến

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Lãnh đạo HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Lãnh đạo UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng UBND tỉnh ;
- Các đơn vị thuộc Sở NN&PTNT;
- Hội Nông dân, Liên minh HTX, Hội CCB, Hội Phụ nữ;
- UBND các huyện, thành phố; *các sở, ban, ngành;*
- Lưu VT, QLNS (STC); KHTC(SNN); *ph*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về việc hỗ trợ

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Cơ quan..... (Đơn vị quản lý sử dụng kinh phí).

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.....hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình..... với các nội dung sau:

1. Tên công trình:
2. Chủ đầu tư:
3. Địa điểm xây dựng:
4. Mục tiêu đầu tư.....
5. Quy mô công trình:.....
- Diện tích phục vụ tưới:.....ha.
- Diện tích đất xây dựng công trình:.....m².
- Thông số kỹ thuật chủ yếu.

.....

6. Số đối tượng được hưởng lợi từ công trình:..... hộ.

7. Tổng kinh phí đầu tư xây dựng công trình:..... đồng.

Trong đó:

+ Kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ:.....đồng, tương đương ...% (Chỉ tiết các hạng mục đề nghị hỗ trợ)

+ Kinh phí các đối tượng hưởng lợi đóng góp:..... đồng.

+ Kinh phí huy động khác (nếu có):..... đồng.

8. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần sau đầu tư khi khối lượng công việc hoàn thành.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.....xem xét giải quyết./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký và ghi đầy đủ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về việc hỗ trợ

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Cơ quan..... (Đơn vị quản lý sử dụng kinh phí).

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.....hỗ trợ dự án phát triển sản xuất..... với các nội dung sau:

1. Tên dự án: ;
2. Chủ đầu tư: ;
3. Địa điểm thực hiện dự án: ;
4. Mục tiêu dự án.....
5. Quy mô dự án:..... ;
- Diện tích sản xuất:.....ha.
- Quy mô giống, vật tư,.....
-
6. Số đối tượng được hưởng lợi từ công trình:..... hộ.
7. Tổng kinh phí thực hiện dự án:..... đồng.

Trong đó:

+ Kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ:.....đồng, tương đương ...% (Chi tiết các hạng mục đề nghị hỗ trợ)

+ Kinh phí tự có:..... đồng.

+ Kinh phí huy động khác (nếu có):..... đồng.

8. Phương thức hỗ trợ:

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.....xem xét giải quyết./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký và ghi đầy đủ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN
CÓ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA, ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ CAO, LIÊN KẾT SẢN XUẤT GẮN VỚI TIÊU THỤ, THEO CHUỖI
GIÁ TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (cấp xã)

Tên (tô chức, cá nhân):.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Tên người đại diện:..... Chức vụ:.....

Căn cứ Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019-2020; Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của UBND tỉnh về một số nội dung hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019-2020 quy định tại Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh,

Chúng tôi đề nghị: UBND xã xác nhận chúng tôi có thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ, theo chuỗi giá trị trên địa bàn xã. Cụ thể như sau:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Địa điểm thực hiện dự án:
4. Mục tiêu dự án.....
5. Quy mô dự án:.....

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

.....

UBND xã xác nhận

.....

Ninh Bình, ngày tháng năm 201....

KHÁCH HÀNG VAY

(ký tên và đóng dấu/nếu có)

....., ngày tháng năm 201....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Tổ chức tín dụng:

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GXN

GIẤY XÁC NHẬN SỐ TIỀN LÃI VAY ĐƯỢC NSNN HỖ TRỢ

- Tên Khách hàng vay vốn:.....

- Địa chỉ:.....

- Người Đại diện:.....

I. Tổ chức tín dụng và Khách hàng xác nhận: Số tiền lãi vay được hỗ trợ NSNN phải trả cho khách hàng do khi thu lãi tiền vay Tổ chức tín dụng chưa khấu trừ số tiền lãi được NSNN hỗ trợ cho khách hàng:

Đơn vị: đồng

TT	Số Hợp đồng tín dụng (HĐ TD)	Số tiền vay/Hạn mức vay theo HĐTD	Thời hạn khoản vay	Lãi suất cho vay theo HĐTD	Số kế ước nhận nợ	Ngày tháng giải ngân	Dư nợ gốc thực tế tại thời điểm tính lãi	Số ngày tính lãi	Tổng số tiền lãi phải trả	Tổng số tiền lãi khách hàng đã trả cho TCTD	Số tiền lãi NSNN hỗ trợ cho khách hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
...											
TỔNG CỘNG											

Tổng tiền lãi vay khách hàng được NSNN hỗ trợ: (Dòng Tổng cộng, cột (12)).....

(Bằng chữ:)

Ghi chú: Tổng số tiền lãi phải trả (10) căn cứ vào (8), (9), và (5);

(12) = 70% x (10) x 100% (đối với năm thứ nhất, năm thứ 2 của khoản vay);

(12) = 70% x (10) x 50% (đối với năm thứ 3 của khoản vay).

....., Ngày.... tháng.... năm 201....

Đại diện khách hàng
(Ký tên, đóng dấu/nếu có)

Đại diện Ngân hàng cho vay

Lập biểu

TP Kế toán

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký tên, đóng dấu)